

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 109/2025/DS-PT
Ngày 08-9-2025
V/v tranh chấp về phân chia
di sản thừa kế

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Kiên.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Xuân Trường;
Bà Đỗ Thị Thanh Giang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bé Thị Na - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Hậu - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 101/2025/TLPT-DS, ngày 10 tháng 7 năm 2025, về việc: “Tranh chấp về phân chia di sản thừa kế”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2025/DS-ST, ngày 27 tháng 02 năm 2025 của Tòa án nhân dân quận An Dương (nay là Toà án nhân dân khu vực 2), thành phố Hải Phòng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 138/2025/QĐXXPT-DS, ngày 12 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 134/2025/QĐ-PT, ngày 25 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Tuyết L; ĐKNKTT: Số B, đường N, phường V, quận N (nay là phường N), thành phố Hải Phòng; có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Nguyễn Kim V; địa chỉ: Số A, Đ, phường G, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Kim O; nơi đăng ký thường trú: Số A, Cầu S, phường A, quận A (nay là phường A), thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Bà Nguyễn Thị Kim T; địa chỉ: Số C, đường L, quận H (nay là phường H), thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

+ Bà Nguyễn Thị Tuyết C; địa chỉ: Số A, đường L, quận N (nay là phường G), thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

+ Ông Nguyễn Đồng T1; địa chỉ: Số B, đường N, phường T, quận H (nay là phường H), thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

+ Bà Nguyễn Bích V1; địa chỉ: Số G, đường L, quận N (nay là phường G), thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

+ Bà Nguyễn Kim L1; địa chỉ: Số B, đường L, phường H, quận L (nay là phường L), thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

+ Bà Nguyễn Thị Kim P; địa chỉ: Số D, đường V, phường T, quận L (nay là phường L), thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

+ Ông Nguyễn Văn A; nơi đăng ký thường trú: Số A, Cầu S, phường A, quận A (nay là phường A), thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

+ Chị Nguyễn Kim C1; nơi đăng ký thường trú: Số A, Cầu S, phường A, quận A (nay là phường A), thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

+ Chị Nguyễn Thị Kim N; nơi đăng ký thường trú: Số A, Cầu S, phường A, quận A (nay là phường A), thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* Bà Nguyễn Thị Tuyết L; ĐKKHTT: Số B, đường N, phường V, quận N (nay là phường N), thành phố Hải Phòng; là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tóm tắt nội dung vụ án, quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm và nội dung kháng cáo:

Theo Đơn khởi kiện đề ngày 17/4/2023; lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn (bà Nguyễn Thị Tuyết L) trình bày: Bố mẹ bà là cụ Nguyễn Đồng T2 (chết năm 2007) và cụ Bùi Thị T3 (tức N1, chết năm 2006). Bố mẹ của cụ T2 và cụ T3 đều chết trước hai cụ đã lâu. Cụ T2 và cụ T3 không có bố mẹ nuôi, không có con nuôi và không có con riêng; hai cụ sinh được tám (08) người con gồm: Nguyễn Thị Kim T, Nguyễn Thị Tuyết C, Nguyễn Bích V1, Nguyễn Thị Tuyết L, Nguyễn Kim L1, Nguyễn Kim P, Nguyễn Kim O và Nguyễn Đồng T1. Cụ T2, cụ T3 chết đi đều không để lại di chúc. Di sản của hai cụ để lại là diện tích đất 396 m², ở xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng. Diện tích đất này bỏ không, không có ai quản lý vì cụ T2 và cụ T3 đã bỏ đi nơi khác sinh sống từ năm 1955. Bên cạnh đó chỉ có ông P1 là anh trai của cụ T3 và các con ông P1 ở bên cạnh nhưng sau đó đã được nhà nước đền bù và chuyển đi nơi khác.

Năm 2011 cả gia đình bà đã họp đề thống nhất cho bà O bỏ tiền ra xây nhà để thờ cúng bố mẹ. Bà O đã bỏ tiền ra xây toàn bộ nhà. Năm 2012 bà có đưa cho bà V1 500.000 đồng để bà V1 trồng toàn bộ cây cối trên đất. Sau đó diện tích đất này bị nhà nước thu hồi giải phóng mặt bằng để thực hiện Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đô thị M. Khi đó cả gia đình đã đồng ý để bà O đứng ra đại diện nhận tiền đền bù. Số tiền nhà nước đền bù cho gia đình bà là 158.394.672 đồng. Sau khi nhận tiền đền bù bà O đã đưa cho bà V1 65.000.000 đồng. Bà V1 đã đưa lại cho bà 5.000.000 tiền cây. Bà đã đưa cho bà T số tiền này để chữa bệnh. Tại phiên tòa sơ thẩm, bà L yêu cầu chia toàn bộ số tiền 158.394.672 đồng cho tám (08) chị em vì đây là tài sản do bố mẹ bà để lại.

Bị đơn là bà Nguyễn Thị Kim O trình bày: Thống nhất về quan hệ nhân thân như bà L trình bày. Khi ông bà ngoại của bà chết đi có để lại một diện tích đất ở xã T, T. Sau đó, ông P1 là anh trai mẹ bà có cắt cho mẹ bà một diện tích đất. Cụ T2 và cụ T3 đã ở trên đất đó đến năm 1955 thì chuyển đi nơi khác sinh sống. Sau nhiều lần phân chia lại đất canh tác theo qui định của Nhà nước thì diện tích đất đó mang tên ông P1. Sau đó, đất vào dự án thì gia đình ông P1 được đền bù đi nơi khác sinh sống. Diện tích đất đó thuộc về nhà nước quản lý, không có ai ở. Năm 2012 bà đã xin phép trưởng thôn để xây nhà trên đất. Diện tích đất này do bà lấn chiếm, không phải đất của cụ T3 và cụ T2 để lại. Năm 2022 nhà nước đã đền bù số tiền là 135.000.000 đồng tiền nhà và cây cối trên đất. Nhà là do bà và bà V1 bỏ tiền xây và trồng cây cối trên đất. Còn việc bà L có trồng cây hay không thì bà không biết vì việc đó là việc của bà L với bà V1. Bà đã chia cho bà V1 65.000.000 đồng. Bà O xác định đây không phải là tài sản của cụ T2 và cụ T3 nên bà không đồng ý với yêu cầu chia tài sản thừa kế như yêu cầu khởi kiện của bà L.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Bích V1 trình bày: Bà có đóng góp một nửa tiền xây nhà cho bà O. Phần còn lại do bà O bỏ tiền ra để xây nhà. Thời gian đó bà L có đưa cho bà số tiền 500.000 đồng để mua cây giống về trồng. Sau này được đền bù về nhà và cây cối thì bà O có đưa cho bà 65.000.000 đồng và bà đã đưa lại cho bà L 5.000.000 đồng. Quan điểm của bà là người nào bỏ tiền ra thì người đó được hưởng, không được chia đều cho tám anh chị em như yêu cầu khởi kiện của bà L.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Kim T trình bày: Thống nhất với lời khai và trình bày của bà Nguyễn Thị Tuyết L.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Đồng T1 trình bày: Bố mẹ ông chết đi có để lại diện tích đất nhà nước đã đền bù; ông không biết việc bà L yêu cầu chia di sản thừa kế và không có ý kiến gì.

Trong các bản tự khai gửi đến Tòa án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan gồm: Bà Nguyễn Thị Tuyết C, bà Nguyễn Kim L1 và bà Nguyễn Kim P thống nhất với quan điểm của bà L.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2025/DS-ST, ngày 27/02/2025 của Tòa án nhân dân quận An Dương (nay là Tòa án nhân dân khu vực 2), thành phố Hải Phòng đã quyết định: Căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 39, các điều 147, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 158, 609, 612 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim L2 về việc yêu cầu chia di sản của bố mẹ để lại là số tiền đền bù đất và các công trình trên đất tại xã T, thành phố T, thành phố Hải Phòng.

Ngoài ra Bản án còn tuyên về án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 10/3/2025, nguyên đơn (bà L2) có đơn kháng cáo với nội dung: Kháng cáo toàn bộ nội dung Bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân quận An Dương. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét hủy Bản án sơ thẩm để xét xử lại theo trình tự sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn (bà L2) và người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn trình bày ý kiến giữ nguyên nội dung kháng cáo và đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm huỷ Bản án sơ thẩm để xét xử lại theo trình tự sơ thẩm.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định về quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70 và Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa thực hiện đúng các quy định về quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại Điều 72 và Điều 73 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn và giữ nguyên nội dung của Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2025/DS-ST, ngày 27/02/2025 của Tòa án nhân dân quận An Dương (nay là Tòa án nhân dân khu vực 2), thành phố Hải Phòng.

- Về án phí: Bà L2 là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được xem xét tại phiên tòa, kháng cáo của nguyên đơn, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- *Về thủ tục tố tụng:*

[1] Ngày 27/02/2025 Tòa án nhân dân quận An Dương (nay là Tòa án nhân dân khu vực 2), thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm vụ án và đến ngày 10/3/2025 nguyên đơn (bà L2) có đơn kháng cáo là vẫn còn trong thời hạn kháng cáo theo quy định tại khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật có tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện tranh chấp về phân chia di sản thừa kế. Bị đơn là cá nhân có địa chỉ nơi cư trú tại phường A, quận A, thành phố Hải Phòng, nên Tòa án nhân dân quận A thụ lý giải quyết và xác định đây là vụ án tranh chấp về dân sự theo quy định tại khoản 5 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự

- *Về nội dung:*

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế là số tiền được nhận bồi thường do nhà nước thu hồi đất tại xã T (nay là phường T), thành phố Hải Phòng. Về quan hệ nhân thân các bên đương sự đều thống nhất quan điểm như đã trình bày ở trên. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành thu thập các tài liệu, chứng cứ do điều tra, xác minh thể hiện như sau:

[4] Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đô thị M được phê duyệt chủ trương đầu tư tại Quyết định số 1131/QĐ-TTg ngày 14/6/2016 của Thủ tướng chính phủ. UBND thành phố H đã ban hành Quyết định số 2008/QĐ-UBND, ngày

15/9/2016 về việc phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đô thị M. Ngày 17/4/2017 UBND huyện T ban hành Thông báo số 113/TB-UBND về việc thu hồi đất để thực hiện dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đô thị M tại các xã: D, T, H thuộc huyện T. Ngày 22/5/2020 UBND huyện T ban hành Quyết định số 2968/QĐ-UBND về việc thu hồi đất để thực hiện dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đô thị M tại xã T, huyện T. Theo đó, thu hồi 396,2 m² đất công của UBND xã T do hộ bà Nguyễn Kim O sử dụng để thực hiện dự án. UBND huyện T đã phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ đối với bà Nguyễn Kim O tại các Quyết định số 2977/QĐ-UBND ngày 22/5/2020 và Quyết định số 5726/QĐ-UBND ngày 27/8/2020 với tổng số tiền được nhận bồi thường, hỗ trợ là 158.394.672 đồng. Các quyết định đã có hiệu lực pháp luật, bà O đã nhận tiền đền bù và bàn giao đất để thực hiện dự án.

[5] Tài liệu điều tra khác thể hiện: Năm 2012 bà O có mang đơn đến trưởng thôn đề nghị xác nhận nguồn gốc đất để bà O xây nhà. Bà O xây nhà trên diện tích đất công của UBND xã mà không phải là đất của cá nhân, tổ chức nào.

[6] Các đương sự trong vụ án đều thừa nhận việc: Cụ T2 và cụ T3 đã không còn ăn ở và sinh sống trên diện tích đất từ năm 1955 và diện tích đất này không có ai quản lý. Nguyên đơn không chứng minh được việc ủy quyền cho bà O xây nhà, nhận tiền đền bù và trồng cây cối trên đất. Mặt khác, nguyên đơn (bà L2) cũng thừa nhận nhà là do bà O và bà V1 bỏ tiền ra xây và bà L2 thừa nhận việc bà V1 đã đưa cho bà L2 số tiền đền bù cây cối là 5.000.000 đồng.

[7] Theo Quyết định số 2977/QĐ-UBND ngày 22/5/2020 thì số tiền đền bù bà O được nhận bao gồm: Đất tự sử dụng vào mục đích làm nhà ở từ năm 2012 số tiền hỗ trợ là 48.200.000 đồng; hỗ trợ chi phí đầu tư vào đất với cây trồng lâu năm là 3.139.200 đồng; cây cối hoa màu là 47.647.500 đồng và vật kiến trúc là 36.907.972 đồng. Tổng cộng là 135.894.672 đồng.

[8] Theo Quyết định số 5726/QĐ-UBND ngày 27/8/2020 hỗ trợ bồi thường thêm tiền giá trị cây cối là 22.500.000 đồng.

[9] Như vậy số tiền đền bù vật kiến trúc bà L2 thừa nhận không xây dựng, mà chỉ có bà O và bà V1 bỏ tiền ra xây. Nên số tiền vật kiến trúc bà L2 không được chia. Tiền cây cối bà L2 thừa nhận đã nhận 5.000.000 từ bà V1. Bà L2 khai đóng góp tiền cây cho bà V1 và không có cơ sở chứng minh đóng góp tiền với bà O. Vì vậy đây là việc phát sinh riêng giữa bà L2 và bà V1.

[10] Về diện tích đất là đất công của UBND xã T: Khi diện tích đất bị thu hồi thì đương sự có khiếu nại cho rằng nguồn gốc đất là của bố mẹ là cụ T2 và cụ T3 để được tái định cư nên trong các biên bản đều có mở ngoặc cụ T3. Vì vậy, đây không phải là tài sản của cụ T2 và cụ T3 (tức N1) để lại theo Điều 609 và Điều 612 Bộ luật Dân sự nên không có đủ cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện chia di sản thừa kế của nguyên đơn (bà L2).

[11] Quá trình giải quyết vụ án, ngày 08/11/2024 Tòa án cấp sơ thẩm ra Thông báo về việc thụ lý lại vụ án (Trước đó Tòa án đã ra Quyết định chuyển vụ án) và có bổ sung người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn A, chị Nguyễn

Kim C1 và chị Nguyễn Thị Kim N (là chồng và hai con gái của bị đơn) vì lý do những người này có đăng ký hộ khẩu cùng với bị đơn.

[12] Xét về nội dung và đối tượng có tranh chấp trong vụ án mà cụ thể là số tiền được hỗ trợ đền bù về vật kiến trúc và cây cối trên đất bị thu hồi do lấn chiếm, chứ không phải là quyền lợi liên quan đến việc cấp đất tái định cư nên những người này không có quyền lợi gì liên quan trong vụ án. Do vậy việc Tòa án cấp sơ thẩm đưa những người này vào tham gia tố tụng là không chính xác và không cần thiết. Việc nguyên đơn cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý và giải quyết là không đúng thẩm quyền vì theo nguyên đơn trình bày vào thời điểm đó thì chị Nguyễn Kim C1 và chị Nguyễn Thị Kim N đều đang sinh sống ở nước ngoài nên vụ án phải do Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng giải quyết mới đúng quy định. Tòa án đã có văn bản gửi Phòng Q - Công an thành phố H để tra cứu về việc chị C1 và chị N có xuất cảnh ra nước ngoài không và hiện có thông tin nhập cảnh trở lại chưa nhưng đến nay vẫn không nhận được văn bản trả lời. Mặt khác, ngoài lời trình bày thì nguyên đơn cũng không xuất trình được tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh cho ý kiến của mình là có căn cứ và như đã phân tích ở trên thì việc Tòa án cấp sơ thẩm đưa ông A, chị C1 và chị N vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án là không chính xác và không cần thiết. Do vậy không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu này của nguyên đơn để huỷ Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2025/DS-ST, ngày 27/02/2025 của Tòa án nhân dân quận An Dương (nay là Tòa án nhân dân khu vực 2), thành phố Hải Phòng.

[13] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà L2 phải chịu án phí dân sự phúc thẩm nhưng do bà L2 là người cao tuổi nên được miễn nộp án phí phúc thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 và khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn (bà Nguyễn Thị Tuyết L), giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2025/DS-ST, ngày 27/02/2025 của Tòa án nhân dân huyện An Dương (nay là Tòa án nhân dân khu vực 2), thành phố Hải Phòng.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Tuyết L về việc yêu cầu chia di sản thừa kế là số tiền 158.394.672 đồng mà bà Nguyễn Kim O được nhận đền bù về đất và các công trình, vật kiến trúc trên đất tại địa chỉ: Xã T, huyện T (nay là phường T), thành phố Hải Phòng.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Tuyết L là người cao tuổi nên được miễn tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND TP Hải Phòng;
- Phòng THADS khu vực 2;
- TAND khu vực 2;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Quang Kiên